TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 30 - 9 - 2024
"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tân.

Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2024/QĐXXST-HNGĐ giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị L**, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Hưng P, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Hoàng Văn Quyết, Văn phòng Luật sư Hoàng Văn Quyết, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ L, xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Chị với anh Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4/2023 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chị với anh C sống hạnh phúc với nhau và có được người con chung tên Hoàng Quý P, sinh ngày

14/3/2024. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 9/2023 thì giữa chị với anh C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Mặc dù, đã cố gắng hàn gắn mân thuẫn với nhau nhưng vẫn không được. Đến khoảng tháng 11/2023 hai người đã ly thân với nhau. Hiện tại mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh Trần Văn C.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Quý P, sinh ngày 14/3/2024 cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh Trần Văn C cấp dưỡng nuôi con từ khi con sinh ra ngày 14/3/2024 đến khi con trưởng thành, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng và yêu cầu cấp dưỡng một lần.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu phần tố của anh C về chia tài sản chung gồm 01 cây vàng 24K và số tiền 60.000.000 đồng thì chị không đồng ý. Do 01 cây vàng 24K khi còn sống chung hai vợ chồng đã bán lấy tiền để sửa chuồng và mua heo giống chăn nuôi. Đối với số tiền 60.000.000 đồng đây là tiền chăn nuôi heo, nhưng do khi mang thai cùng với sinh con nên chị đã chi tiêu hết, vì khi đó chị không có nghề nghiệp, thai yếu nên chị cần phải dưỡng thai, còn phải đi khám định kỳ. Ngoài ra con sinh thiếu tháng nên cần phải nằm viện điều trị.

**** Bị đơn ông Trần Văn C trình bày:***

Anh với chị Hoàng Thị L được cha mẹ hai bên đồng ý nên đã tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng anh sống chung với nhau đến khi chị L mang thai thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh và chị L đã ly thân với nhau từ tháng 11/2023 âl đến nay. Nay chị L yêu cầu không công nhận giữa anh với chị L là vợ chồng thì anh cũng đồng ý. Đối với con chung thì anh thừa nhận giữa anh với chị L có một con chung tên Hoàng Quý P, sinh ngày 14/3/2024. Tuy nhiên, sau khi chị L sinh con xong thì anh có qua thăm nhưng chị L và gia đình ngăn cản không cho thăm và có những hành động hâm dọa. Nay anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành nhưng anh phải được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, chị L không được quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con thì anh không đồng ý theo yêu cầu của chị L, khi nào anh làm có tiền sẽ cho con anh. Về tài sản chung: Sau khi cưới thì vợ chồng được cha mẹ anh cho số vàng cưới gồm: 01 sợi dây chuyền có mặt trọng lượng 06 chỉ vàng 24K và 1 tấm lắc có trọng lượng 04 chỉ vàng 24K. Tổng cộng 01 cây vàng 24K. Ngoài ra trong quá trình chung sống vợ chồng có tích lũy được số tiền 60.000.000 đồng từ việc chăn nuôi heo, buôn bán thức ăn. Hiện tất cả các tài sản này chị L đang giữ. Nay anh yêu cầu chia đôi 01 cây vàng 24K và số tiền 60.000.000 đồng. Về nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Hoàng Văn Quyết trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân do nguyên đơn chị Hoàng Thị L và bị đơn anh Trần Văn C không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố giữa chị L với anh C không phải là vợ chồng. Về con chung là cháu Hoàng Quý P, sinh ngày 14/3/2024, hiện con chung đang sống chung với chị L. Chị L có yêu cầu nuôi dưỡng và anh C cũng đồng ý nên đề nghị HĐXX ghi nhận và giao con chung cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ khi con sinh ra đến khi con trưởng thành. Do hiện nay con chung là cháu P còn nhỏ với cuộc sống hiện nay thì nuôi con nhỏ là rất tốn kém nên nghĩ mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng cũng phù hợp với thực tế nên đề nghị HĐXX chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn chị L. Ngoài ra hiện giữa nguyên đơn với bị đơn có mâu thuẫn nên cấp dưỡng hàng tháng khó khăn. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét buộc bị đơn anh C cấp dưỡng một lần. Đối với tài sản chung thì vợ chồng có 01 cây vàng 24K và số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay số vàng này phía chị L và anh C đã bán và chi vào việc sửa chữa chuồng và mua heo chăn nuôi nên không còn. Số tiền 60.000.000 đồng thì khi chị L mang thai hai người đã ly thân, chị L lại không có nghề nghiệp ổn định và anh C cũng không có chu cấp cho chị L. Nên mọi chi phí phát sinh trong thời kỳ mang thai và sinh con chị L đều dùng số tiền này và hiện cũng không còn. Do đó, đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh C về việc chia 01 cây vàng 24K và số tiền 60.000.000 đồng là không có cơ sở nên đề nghị HĐXX không chấp nhận. Đối với nợ chung thì giữa vợ chồng không có nên không yêu cầu HĐXX xem xét.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết: Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn với bị đơn; Về con chung: Giao con chung cho nguyên đơn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con buộc bị đơn trả số tiền cấp dưỡng nuôi con từ khi con sinh ra đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.000.000 đồng (06 tháng x 2.000.000 đồng). Buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia 01 cây vàng 24K và 60.000.000 đồng; Về nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố giữa nguyên đơn với bị đơn không phải là vợ chồng, nuôi con chung; Bị đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú: ấp Mỹ L, xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày con chung được sinh ra cho đến khi con trưởng thành. Xét thấy, việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con là nhằm đảm bảo tốt nhất về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận..

- *Về nội dung:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo các đương sự trình bày hai người sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 4/2023, nhưng không có đăng ký kết hôn. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với xác nhận ngày 06/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã Hưng P, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy, giữa nguyên đơn với bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng sau ngày luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực là ngày 03/01/1987. Tuy nhiên, các đương sự không có đăng ký kết hôn nên đây được xem là hôn nhân không hợp pháp theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2010 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống thì giữa nguyên đơn với bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện giữa hai người đã ly thân với nhau. Nay nguyên đơn yêu cầu tuyên bố giữa nguyên đơn với bị đơn không phải là vợ chồng. Đồng thời, bị đơn cũng đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ giữa nguyên đơn với bị đơn là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày thì giữa hai người có 01 đứa con chung tên Hoàng Quý P, sinh ngày 14/3/2024 hiện con đang sống chung với nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bị đơn cũng đồng ý giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện con chung có cuộc sống ổn định cùng với nguyên đơn. Đồng thời, tính đến thời điểm xét xử thì con chung dưới 36 tháng tuổi. Do đó, HĐXX giao con chung cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Dành quyền cho bị đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở nguyên đơn thực hiện quyền này.

[5] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ khi con sinh ra đến khi con trưởng thành và yêu câu cấp dưỡng một lần. Bị đơn không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con, khi nào có tiền sẽ tự cho. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*". Do đó, đối với yêu cầu của bị đơn về việc buộc nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận. Xét về mức cấp dưỡng nuôi con nguyên

đơn yêu cầu 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với yêu cầu thiết yếu hằng ngày của người được cấp dưỡng và phù hợp với thu nhập của người cấp dưỡng. Đồng thời, mức cấp dưỡng nguyên đơn yêu cầu cũng tương đương với một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi bị đơn cư trú. Từ đó, buộc bị đơn cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn cấp dưỡng kể từ khi con được sinh ra đến khi con trưởng thành và cấp dưỡng một lần. Xét thấy, từ khi nguyên đơn sinh con thì giữa hai người ly thân và không còn sống chung với nhau nên nguyên đơn một mình nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần buộc bị đơn giao trả số tiền nguyên đơn nuôi dưỡng con chung từ khi sinh ra đến khi xét xử sơ thẩm là 06 tháng x 2.000.000 đồng với tổng số tiền 12.000.000 đồng. Đối với việc cấp dưỡng một lần, thì thấy: Hiện giữa nguyên đơn với bị đơn không có nghề ổn định nên yêu cầu này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] *Về tài sản chung*: Các đương sự đều thừa nhận vợ chồng có tài sản chung gồm: vàng cưới là 01 cây vàng 24K (tấm lắc 04 chỉ vàng và 01 dây chuyền 06 chỉ vàng) và số tiền 60.000.000 đồng. Theo nguyên đơn thì khi về sống chung vợ chồng đã bán hết số vàng cưới để sửa chuồng và mua heo giống về nuôi. Đối với số tiền thì đã chi tiêu hết vào việc khám thai, sinh con nên không còn. Theo bị đơn thì tiền sửa chuồng và mua heo giống là của cha mẹ vợ cho lại tiền nạp tài 20.000.000 đồng nên không có bán vàng. Đối với số tiền thì khi sinh con nguyên đơn không cho hay nên bị đơn không đồng ý cấn trừ số tiền này. Xét thấy, theo tài liệu nguyên đơn cung cấp là đoạn ghi âm thể hiện bị đơn với mẹ bị đơn có tranh cãi về số vàng cưới đã bán. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 10/9/2024 thì bà Nguyễn Thị Mun là mẹ của nguyên đơn trình bày "*Số tiền nộp tài 20.000.000 – 25.000.000 đồng, không nhớ nhưng bà khẳng định là không có cho lại vì số tiền này dùng vào việc sắm sửa quần áo cho Lài và chuẩn bị cho đám nối, đám cưới*". Đồng thời, theo phong tục địa phường thông thường số tiền nạp tài là dùng vào việc cho cô dâu sắm sửa, trang điểm và phụ giúp cho bên nhà gái làm tiệc. Do đó, đối với lời trình bày của bị đơn số tiền sửa chuồng, mua con giống chăn nuôi là tiền từ nạp tài cha mẹ vợ cho lại là không có cơ sở. Đồng thời, bị đơn cũng thừa nhận khi hai vợ chồng về sống chung có sửa chuồng, mua heo giống để chăn nuôi. Từ đó, đối với lời trình bày của nguyên đơn là đã bán vàng để chi vào việc sửa chuồng, mua heo giống nuôi là có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền 60.000.000 đồng, thì thấy: Theo nguyên đơn cung cấp các toa vé chi vào việc dưỡng thai, khám thai, sinh con và điều trị khi con bị bệnh các khoản là 23.888.275 đồng. Ngoài ra, theo nguyên đơn còn các khoản khác chi nhưng không có toa vé như khám thai, siêu âm định kỳ và tiêm ngừa thai nhi và mua đồ dùng cho bé…. Bị đơn cũng thừa nhận sau khi ly thân thì bị đơn cũng không có chu cấp cho nguyên đơn. Xét thấy, với phụ nữ mang thai đặt biệt là lần đầu mang thai, vai trò của gia đình, đặc biệt là người chồng là rất quan trọng. Bên cạnh những quan tâm, chăm sóc về vật chất, người chồng cũng nên dành nhiều thời gian bên vợ. Tuy nhiên, khi nguyên đơn mang thai thì hai người ly thân nên nguyên đơn phải tự chăm sóc và sinh một mình. Đồng thời, các đương sự cũng thừa nhận là trong thời kỳ mang thai nguyên đơn cũng không có nghề nghiệp ổn định. Nên nguyên đơn đã dùng số tiền 60.000.000 đồng vào việc nguyên đơn mang thai và sinh con. Do đó, đối với yêu

cầu của bị đơn về việc chia số tiền này là không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí không có giá ngạch về việc không công nhận vợ chồng; bị đơn phải chịu án phí không giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con và án phí không giá ngạch về chia tài sản chung không được chấp nhận, theo các quy định tại điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 16, Điều 33, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình, và điểm a, b khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn chị Hoàng Thị L với bị đơn anh Trần Văn C.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Hoàng Quý P, sinh ngày 14/3/2024 cho nguyên đơn chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Dành quyền cho anh Trần Văn C được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con*:

Buộc bị đơn anh Trần Văn C hoàn trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hoàng Quý P, sinh ngày 14/3/2024 cho chị Hoàng Thị L từ ngày 14/3/2024 đến ngày 30/9/2024 là 12.000.000 đồng *(mười hai triệu đồng).*

Buộc bị đơn anh Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cháu Hoàng Quý P, sinh ngày 14/3/2024 đến khi con chung được 18 tuổi, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (*hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2024). Địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. *Về tài sản chung:* Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Trần Văn C về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 01 (một) cây vàng 24K

(tấm lắc 04 chỉ vàng và 01 dây chuyền 06 chỉ vàng) và số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng)*

5. *Về nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm***:**

+ Buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn chị L đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005205, ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Nguyên đơn chị L đã thực hiện xong.

+ Bị đơn anh Trần Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng);* Án phí về việc yêu cầu chia tài sản chung không được chấp nhận 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn anh C đã nộp là 1.625.000 đồng (*một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005233, ngày 27/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Nguyên đơn anh Trần Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng còn dư là 1.025.000 đồng *(một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền nêu trên.

7 *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn